

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05-33
Bảng cân đối kế toán riêng	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-33

U.M.  
Đ  
N.A.

U.M.  
Đ  
N.A.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Đức Thuấn	Chủ tịch	
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên	
Ông Phạm Thế Hưng	Thành viên	
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Thế Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020
Ông Lê Đức Thuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Khổng Thị Oanh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Quyên	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

---

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Lê Đức Thuận**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Số: 159 /BCKT/TC/NV8

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được lập ngày 30 tháng 01 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

**Nguyễn Bảo Trung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0373-2018-126-1

**Mai Quang Hiệp**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1320-2018-126-1

102  
G T  
HH  
T O  
A Đ  
T N  
EM

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>78.376.963.666</b>	<b>35.427.746.875</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>9.331.528.412</b>	<b>4.117.333.209</b>
111	1. Tiền		9.331.528.412	4.117.333.209
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>362.000.000</b>	<b>362.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		362.000.000	362.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.107.320.822</b>	<b>14.486.598.106</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.021.072.264	10.692.101.626
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.986.545.558	3.794.496.480
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		99.703.000	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>46.072.868.147</b>	<b>13.592.308.243</b>
141	1. Hàng tồn kho		46.072.868.147	13.592.308.243
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.503.246.285</b>	<b>2.869.507.317</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	8.861.392.642	2.488.082.836
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.641.853.643	381.424.481
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>195.349.651.126</b>	<b>141.988.982.931</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>85.499.037.032</b>	<b>87.796.606.145</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	83.486.571.198	87.796.606.145
222	- Nguyên giá		103.628.363.617	101.149.229.132
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.141.792.419)	(13.352.622.987)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		963.645.834	-
225	- Nguyên giá		990.000.000	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.354.166)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		1.048.820.000	-
228	- Nguyên giá		1.048.820.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>24.020.705</b>	<b>360.636.240</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.020.705	360.636.240
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>108.650.000.000</b>	<b>51.700.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		108.650.000.000	51.700.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.176.593.389</b>	<b>2.131.740.546</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.176.593.389	2.131.740.546
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>273.726.614.792</b>	<b>177.416.729.806</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>129.332.858.484</b>	<b>60.935.315.778</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>128.146.893.154</b>	<b>53.338.066.588</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	23.014.670.947	15.898.642.821
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	32.435.687.177	734.795.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	10.282.110.325	3.191.914.731
314	4. Phải trả người lao động		4.142.746.803	962.100.158
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	1.333.902.017
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	381.395.906	516.486.427
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	57.324.190.696	30.700.225.094
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		566.091.300	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.185.965.330</b>	<b>7.597.249.190</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	1.185.965.330	7.597.249.190
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>144.393.756.308</b>	<b>116.481.414.028</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>144.393.756.308</b>	<b>116.481.414.028</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		80.000.000.000	80.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.698.273.899	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.695.482.409	36.481.414.028
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		34.217.048.829	25.159.588.034
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		28.478.433.580	11.321.825.994
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>273.726.614.792</b>	<b>177.416.729.806</b>


Lại Thị Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởngLê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	407.078.033.298	253.888.398.134
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	7.441.879.911	1.933.499.733
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		399.636.153.387	251.954.898.401
11	4. Giá vốn hàng bán	18	324.990.832.651	205.842.856.005
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.645.320.736	46.112.042.396
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		31.186.021	1.963.725
22	7. Chi phí tài chính	19	3.538.558.989	2.779.834.559
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.528.157.696	2.691.361.971
25	8. Chi phí bán hàng	20	21.977.628.726	21.109.540.995
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	13.203.545.572	7.720.654.733
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.956.773.470	14.503.975.834
31	11. Thu nhập khác		161.734.004	3.307.686
32	12. Chi phí khác		436.463.307	284.000.822
40	13. Lợi nhuận khác		(274.729.303)	(280.693.136)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.682.044.167	14.223.282.698
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	7.203.610.587	2.901.456.704
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>28.478.433.580</b>	<b>11.321.825.994</b>

  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập

  
Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***Năm 2020**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>35.682.044.167</b>	<b>14.223.282.698</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.271.432.696	5.522.103.555
03	- Các khoản dự phòng		-	(781.001.887)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(1.963.725)
06	- Chi phí lãi vay		3.528.157.696	2.691.361.971
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>46.481.634.559</b>	<b>21.653.782.612</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.018.393.584	42.324.404
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(32.480.559.904)	917.770.249
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		43.316.615.781	3.745.849.465
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.418.162.649)	(1.113.988.038)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.528.157.696)	(2.691.361.971)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.901.456.704)	(3.685.766.672)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>46.488.306.971</b>	<b>18.868.610.049</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.837.515.048)	(15.349.251.506)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		100.454.538	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(362.000.000)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(56.950.000.000)	(25.000.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	1.963.725
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(60.687.060.510)</b>	<b>(40.709.287.781)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		104.944.425.813	83.409.120.368
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(85.531.477.071)	(69.885.042.558)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>19.412.948.742</i>	<i>13.524.077.810</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.214.195.203	(8.316.599.922)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.117.333.209	12.433.933.131
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.331.528.412</u>	<u>4.117.333.209</u>

  
Lại Thị Thu Hà  
Người lập  
Nguyễn Xuân Trường  
Kế toán trưởng  
Lê Đức Thuận  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2020*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 80.000.000.000 đồng; tương đương 8.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

#### **Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng Hà	TP. Hà Nội	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất bánh kẹo

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

**2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### 2.15 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### 2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### 2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.851.895.000	2.103.063.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.479.633.412	2.014.270.209
	<u><u>9.331.528.412</u></u>	<u><u>4.117.333.209</u></u>



**ÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

ba nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>362.000.000</b>	-	<b>362.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	<b>362.000.000</b>	-	<b>362.000.000</b>	-

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>108.650.000.000</b>	-	-	<b>51.700.000.000</b>
- Công ty TNHH Chế biến Nông Sản thực phẩm Hồng Hà	21.600.000.000	-	-	21.600.000.000
- Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	87.050.000.000	-	-	30.100.000.000
	<b>108.650.000.000</b>	-	-	<b>51.700.000.000</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Chế biến Nông Sản thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất bánh kẹo
- Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP.Hồ Chí Minh	96,72%	94,56%	Sản xuất bánh kẹo

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.250.159.108	-	2.455.790.939	-
Chi nhánh TP HCM - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	662.747.892	-	2.264.155.533	-
Công ty CP Đầu tư Homeconstruct	-	-	1.504.136.400	-
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	1.398.402.713	-	411.024.346	-
Phải thu khác	6.709.762.551	-	4.056.994.408	-
	<b>10.021.072.264</b>	<b>-</b>	<b>10.692.101.626</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.504.136.400</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Quốc tế Thịnh Đạt	-	-	1.189.650.001	-
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	-	-	950.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp Phú Hưng Gia	-	-	575.607.887	-
Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Quang Minh	-	-	498.185.078	-
Cơ sở sản xuất Bình Chung	1.015.000.000	-	-	-
Trả trước khác	971.545.558	-	581.053.514	-
	<b>1.986.545.558</b>	<b>-</b>	<b>3.794.496.480</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>950.000.000</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)***7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.562.631.063	-	7.245.224.168	-
Công cụ, dụng cụ	186.398.191	-	67.807.281	-
Thành phẩm	175.926.514	-	46.378.435	-
Hàng hoá	15.147.912.379	-	6.232.898.359	-
	<b>46.072.868.147</b>	<b>-</b>	<b>13.592.308.243</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC****Báo cáo tài chính riêng**

a nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	35.023.197.308	57.720.056.371	7.080.090.908	1.025.454.545	300.430.000	101.149.229.132
- Mua trong năm	718.471.800	980.496.035	-	30.000.000	-	1.728.967.835
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.306.530.286	-	-	-	-	1.306.530.286
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(556.363.636)	-	-	(556.363.636)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.048.199.394</b>	<b>58.700.552.406</b>	<b>6.523.727.272</b>	<b>1.055.454.545</b>	<b>300.430.000</b>	<b>103.628.363.617</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.549.717.066	7.732.973.411	1.874.727.632	148.937.728	46.267.150	13.352.622.987
- Khấu hao trong năm	2.063.688.904	3.963.495.005	1.014.724.240	112.831.229	90.339.152	7.245.078.530
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(455.909.098)	-	-	(455.909.098)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.613.405.970</b>	<b>11.696.468.416</b>	<b>2.433.542.774</b>	<b>261.768.957</b>	<b>136.606.302</b>	<b>20.141.792.419</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	31.473.480.242	49.987.082.960	5.205.363.276	876.516.817	254.162.850	87.796.606.145
Tại ngày cuối năm	<b>31.434.793.424</b>	<b>47.004.083.990</b>	<b>4.090.184.498</b>	<b>793.685.588</b>	<b>163.823.698</b>	<b>83.486.571.198</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	725.936.472	2.088.928.494
Chi phí bảo hiểm	97.701.853	39.605.373
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	7.874.483.055	159.250.724
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	163.271.262	200.298.245
	<b>8.861.392.642</b>	<b>2.488.082.836</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	907.550.469	1.898.461.061
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	250.986.880	44.213.557
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.056.040	189.065.928
	<b>1.176.593.389</b>	<b>2.131.740.546</b>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	3.333.979.150	3.333.979.150	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	6.999.638.436	6.999.638.436	5.395.203.235	5.395.203.235
Công ty TNHH Thực phẩm Bột mì CJ Việt Nam	1.247.180.000	1.247.180.000	3.606.097.000	3.606.097.000
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mỳ Vimaflour	1.562.724.268	1.562.724.268	276.100.000	276.100.000
Công ty CP Truyền thông ALO	1.212.750.000	1.212.750.000	-	-
Phải trả khác	8.658.399.093	8.658.399.093	6.621.242.586	6.621.242.586
	<b>23.014.670.947</b>	<b>23.014.670.947</b>	<b>15.898.642.821</b>	<b>15.898.642.821</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

<b>3.334.337.900</b>	<b>3.334.337.900</b>	<b>358.750</b>	<b>358.750</b>
----------------------	----------------------	----------------	----------------

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)***11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Á Long	-	348.112.440
Công ty Cổ phần T-Martstores	-	143.039.974
Công ty TNHH SX TM DV Hương Dương Milk Tea Fresh	1.032.935.500	-
Trả trước khác	31.402.751.677	243.642.926
	<b>32.435.687.177</b>	<b>734.795.340</b>

**Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan***(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)*

-	<b>348.112.440</b>
---	--------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

a nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		308.755.253		4.752.844.018		2.073.144.667		-		2.988.454.604	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		2.883.159.478		7.203.610.587		2.901.456.704		-		7.185.313.361	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		2.750.000		2.750.000		-		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		108.342.360		-		-		108.342.360	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		5.000.000		5.000.000		-		-	
			<b>3.191.914.731</b>		<b>12.072.546.965</b>		<b>4.982.351.371</b>				<b>10.282.110.325</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
Bảo hiểm xã hội	295.564.600		428.624.468	
Bảo hiểm y tế	25.529.346		50.827.365	
Bảo hiểm thất nghiệp	11.346.376		21.742.220	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.955.584		15.292.374	
	<b>381.395.906</b>		<b>516.486.427</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

**Báo cáo tài chính riêng**

1 nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>23.888.109.604</b>	<b>23.888.109.604</b>	<b>104.944.425.813</b>	<b>81.292.841.751</b>	<b>47.539.693.666</b>	<b>47.539.693.666</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	22.909.298.994	22.909.298.994	82.527.329.620	72.218.288.633	33.218.339.981	33.218.339.981
- Ngân hàng TMCP Quân đội	978.810.610	978.810.610	2.952.374.593	2.936.775.702	994.409.501	994.409.501
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	2.967.499.594	2.637.777.416	329.722.178	329.722.178
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	2.997.222.006	-	2.997.222.006	2.997.222.006
- Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	-	-	13.500.000.000	3.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.812.115.490</b>	<b>6.812.115.490</b>	<b>7.211.016.860</b>	<b>4.238.635.320</b>	<b>9.784.497.030</b>	<b>9.784.497.030</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.781.040.170	4.781.040.170	5.291.274.860	2.207.560.000	7.864.755.030	7.864.755.030
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111.333.320	111.333.320	-	111.333.320	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000	151.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000	1.768.542.000
	<b>30.700.225.094</b>	<b>30.700.225.094</b>	<b>112.155.442.673</b>	<b>85.531.477.071</b>	<b>57.324.190.696</b>	<b>57.324.190.696</b>
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.498.834.860	7.498.834.860	-	2.207.560.000	5.291.274.860	5.291.274.860
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111.333.320	111.333.320	-	111.333.320	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	745.000.000	745.000.000	-	151.200.000	593.800.000	593.800.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	6.054.196.500	6.054.196.500	-	1.768.542.000	4.285.654.500	4.285.654.500
- Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	799.733.000	-	799.733.000	799.733.000
	<b>14.409.364.680</b>	<b>14.409.364.680</b>	<b>799.733.000</b>	<b>4.238.635.320</b>	<b>10.970.462.360</b>	<b>10.970.462.360</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	6.812.115.490	6.812.115.490	7.211.016.860	4.238.635.320	9.784.497.030	9.784.497.030
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>7.597.249.190</b>	<b>7.597.249.190</b>			<b>1.185.965.330</b>	<b>1.185.965.330</b>

**ông tín chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

TT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2020	Tài sản đảm bảo
	<b>Vay ngân hàng</b>						
1	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b> Hợp đồng cho vay hạn mức số 266/2019HĐCVHM/NHCT131-BAONGOC ngày 13 tháng 06 năm 2019.	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	33.218.339.981	Hợp đồng thế chấp tài sản số 88/2019/HĐBĐ/NHCT131-BAONGOC ngày 08/03/2019.
2	<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b> Hợp đồng cấp tín dụng số 54229.19.008.1516289.TD ngày 16 tháng 12 năm 2019.	5.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	04 tháng kể từ ngày giải ngân	7,80%	994.409.501	Tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, giấy tờ có giá do MB phát hành.
3	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</b> Hợp đồng cấp tín dụng số 024/2020/HĐTD ngày 01 tháng 04 năm 2020	3.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	09 tháng kể từ ngày giải ngân	12,075%/năm	329.722.178	Không có tài sản đảm bảo
4	<b>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</b> Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 540/2020/HĐTD/CNM/01.	4.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	2.997.222.006	Không có tài sản đảm bảo
5	<b>Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà</b> Hợp đồng vay số 001/2020/HĐVT/HH-BN ngày 24/12/2020.	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	6 tháng	8%/năm	10.000.000.000	Không có tài sản đảm bảo
	<b>Tổng cộng vay ngân hàng</b>					<b>47.539.693.666</b>	

Đơn vị tính: đồng





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

tại nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	-	<b>25.159.588.034</b>	<b>105.159.588.034</b>
Lãi trong năm trước	-	-	11.321.825.994	11.321.825.994
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	-	<b>36.481.414.028</b>	<b>116.481.414.028</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	-	<b>36.481.414.028</b>	<b>116.481.414.028</b>
Lãi trong năm nay	-	-	28.478.433.580	28.478.433.580
Phân phối lợi nhuận	-	1.698.273.899	(2.264.365.199)	(566.091.300)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>1.698.273.899</b>	<b>62.695.482.409</b>	<b>144.393.756.308</b>

Theo Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/BN-DHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	11.321.825.994
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	1.698.273.899
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	566.091.300
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	35,33%	4.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	44,67%	5.057.460.795

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Á Long	18,81%	15.050.000.000	18,81%	15.050.000.000
Ông Lê Đức Thuận	36,06%	28.850.360.000	36,06%	28.850.360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	5,88%	4.700.000.000	5,88%	4.700.000.000
Các cổ đông khác	39,25%	31.399.640.000	39,25%	31.399.640.000
	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	80.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>80.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>80.000.000.000</i>

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.698.273.899	-
	<b>1.698.273.899</b>	<b>-</b>

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	221.799.051.340	127.590.599.846
Doanh thu bán hàng hóa	179.475.801.714	122.580.635.019
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.803.180.244	3.717.163.269
	<b>407.078.033.298</b>	<b>253.888.398.134</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.549.218.498	129.181.669
Hàng bán bị trả lại	2.892.661.413	1.804.318.064
	<b>7.441.879.911</b>	<b>1.933.499.733</b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	153.032.823.126	93.813.003.536
Giá vốn của hàng hóa đã bán	171.958.009.525	112.713.695.820
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	97.158.536
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(781.001.887)
	<b>324.990.832.651</b>	<b>205.842.856.005</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.528.157.696	2.691.361.971
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	10.401.293	88.472.588
	<b>3.538.558.989</b>	<b>2.779.834.559</b>

**20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.729.652	10.750.456
Chi phí nhân công	10.085.774.598	2.639.683.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	922.028.586	758.310.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.440.820.788	10.445.195.970
Chi phí khác bằng tiền	2.515.275.102	7.255.600.247
	<b>21.977.628.726</b>	<b>21.109.540.995</b>

4-  
Y  
V  
+G  
M  
P

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	745.953.190	836.604.495
Chi phí nhân công	4.510.193.345	1.920.473.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.062.858.134	1.448.311.984
Thuế, phí, lệ phí	207.236.539	179.948.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.770.202.012	3.165.347.355
Chi phí khác bằng tiền	907.102.352	169.968.620
	<b>13.203.545.572</b>	<b>7.720.654.733</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.682.044.167	14.223.282.698
Các khoản điều chỉnh tăng	336.008.769	284.000.822
- Chi phí không hợp lệ	336.008.769	284.000.822
Thu nhập chịu thuế TNDN	36.018.052.936	14.507.283.520
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>7.203.610.587</b>	<b>2.901.456.704</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.883.159.478	3.667.469.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.901.456.704)	(3.685.766.672)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>7.185.313.361</b>	<b>2.883.159.478</b>

**23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135.511.199.459	72.651.038.669
Chi phí nhân công	23.208.662.647	11.154.419.923
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.271.432.696	5.522.103.555
Chi phí thuế và lệ phí	206.405.738	179.948.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.415.888.054	15.632.454.936
Chi phí khác bằng tiền	3.458.545.471	7.443.495.290
	<b>186.072.134.065</b>	<b>112.583.460.765</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.331.528.412	-	4.117.333.209	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.120.775.264	-	10.692.101.626	-
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	362.000.000	-
	<b>19.814.303.676</b>	<b>-</b>	<b>15.171.434.835</b>	<b>-</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			58.510.156.026	38.297.474.284
Phải trả người bán, phải trả khác			23.396.066.853	16.415.129.248
Chi phí phải trả			-	1.333.902.017
			<b>81.906.222.879</b>	<b>56.046.505.549</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	<b>362.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>362.000.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Đầu tư ngắn hạn	362.000.000	-	-	362.000.000
	<b>362.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>362.000.000</b>

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.331.528.412	-	-	9.331.528.412
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.120.775.264	-	-	10.120.775.264
	<b>19.452.303.676</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.452.303.676</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.117.333.209	-	-	4.117.333.209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.692.101.626	-	-	10.692.101.626
	<b>14.809.434.835</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.809.434.835</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	57.324.190.696	1.185.965.330	-	58.510.156.026
Phải trả người bán, phải trả khác	23.396.066.853	-	-	23.396.066.853
	<b>80.720.257.549</b>	<b>1.185.965.330</b>	<b>-</b>	<b>81.906.222.879</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	30.700.225.094	7.597.249.190	-	38.297.474.284
Phải trả người bán, phải trả khác	16.415.129.248	-	-	16.415.129.248
Chi phí phải trả	1.333.902.017	-	-	1.333.902.017
	<b>48.449.256.359</b>	<b>7.597.249.190</b>	<b>-</b>	<b>56.046.505.549</b>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Số nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất VND	Hoạt động thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	214.357.171.429	179.475.801.714	5.803.180.244	399.636.153.387	399.636.153.387
Chi phí bộ phận trực tiếp	153.032.823.126	171.958.009.525	-	324.990.832.651	324.990.832.651
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>61.324.348.303</b>	<b>7.517.792.189</b>	<b>5.803.180.244</b>	<b>74.645.320.736</b>	<b>74.645.320.736</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.035.498.121	-	-	3.035.498.121	3.035.498.121
Tài sản bộ phận trực tiếp	47.004.083.990	-	-	47.004.083.990	47.004.083.990
Tài sản không phân bổ	-	-	-	226.722.530.802	226.722.530.802
<b>Tổng tài sản</b>	<b>47.004.083.990</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>273.726.614.792</b>	<b>273.726.614.792</b>
Nợ phải trả bộ phận	28.396.437.697	-	-	28.396.437.697	28.396.437.697
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	100.936.420.787	100.936.420.787
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>28.396.437.697</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>129.332.858.484</b>	<b>129.332.858.484</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>2.546.143.357</b>	<b>274.363.236</b>
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	2.546.143.357	274.363.236
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>191.274.964.829</b>	<b>130.862.750.734</b>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản thực phẩm Hồng Hà	Công ty con	143.249.529.238	124.026.090.287
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	Công ty con	48.014.526.500	-
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Công ty con	10.909.091	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	6.554.381.818
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	282.278.628

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		-	<b>1.504.136.400</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	1.504.136.400
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		-	<b>950.000.000</b>
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	Thành viên góp vốn	-	950.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		<b>3.346.337.900</b>	<b>358.750</b>
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	Công ty con	3.333.979.150	-
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Công ty con	12.000.000	-
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	358.750	358.750
<b>Người mua trả tiền trước</b>		-	<b>348.112.440</b>
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	-	348.112.440
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		<b>10.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Thực phẩm Hồng Hà	Công ty con	10.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	621.714.925	179.712.570



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,  
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.



**Lại Thị Thu Hà**  
Người lập



**Nguyễn Xuân Trường**  
Kế toán trưởng



**Lê Đức Thuận**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2021

